

Bản án số: 239/2020/HC-PT

Ngày: 11-8-2020.

Vv “Yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế
thu hồi đất và yêu cầu lập phương án bồi
thường, hỗ trợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Châm và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 52/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2020 về “Yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5401/2020/QĐPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H (Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện Z, tỉnh H

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn B - Phó chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H - Theo Giấy uỷ quyền ngày 08/5/2019 (Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Z.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện Z, tỉnh H

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn B - Phó chủ tịch UBND

huyện Z, tỉnh H - Theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2019 (Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1964; vắng mặt.

3.3. Anh Hoàng Văn A2, sinh năm 1982; vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

4. Chị Hoàng Thị A3, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn Chính Trung, xã Y, huyện Z, tỉnh H; vắng mặt.

- Bà A1, anh A2, chị A3 đều ủy quyền cho Ông Hoàng Văn A theo Giấy ủy quyền ngày 03/6/2019.

5. Công ty TNHH xây dựng P

Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố H, tỉnh H

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C- Chức vụ Giám đốc. (Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Z ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND “*V/v: việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất để giao đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức BT*” nội dung thu hồi 63.650m² đất của 117 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức...(có danh sách chi tiết kèm theo về chủ sử dụng đất, diện tích, vị trí) và Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (có danh sách 117 hộ gia đình kèm theo). Do có sự điều chỉnh lại diện tích thu hồi của một số hộ gia đình nên ngày 31/12/2017, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 28/QĐ- UBND nêu trên (sau đây viết tắt là Quyết định 28/QĐ-UBND và Quyết định 7854/QĐ-UBND).

Theo các Quyết định này, hộ gia đình ông Hoàng Văn A bị thu hồi 519,6m² ; tại xứ đồng: %; thửa đất số 52; loại đất: LUC; mục đích sử dụng: lâu dài; tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là: 228.104.400 đồng.

Hộ gia đình ông A và một số hộ dân khác không đồng tình với việc thu hồi đất và phương án bồi thường nên không bàn giao đất, không nhận tiền.

Để thi hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND nêu trên, ngày 28/9/2018, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND “*Về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp*” đối với 60 hộ gia đình, trong đó có hộ ông A. Sau đó, ngày 24/10/2018, UBND huyện Z ban hành Thông báo số: 110/TB-UBND “*Về việc thông báo tổ chức cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất nông nghiệp đối với những hộ dân chưa nhận tiền bồi thường*”. UBND huyện đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất và đã bàn giao mặt bằng cho Công ty TNHH P.

* *Tại đơn khởi kiện 20/11/2018 và lời khai tại cấp sơ thẩm người khởi kiện ông Hoàng Văn A trình bày:*

- Gia đình ông có được biết về chủ trương, chính sách thu hồi đất nhưng không đồng ý chủ trương này. Về trình tự thủ tục thu hồi đất không đúng quy định pháp luật do không khảo sát, không kiểm đếm tài sản trên đất, không niêm yết công khai phương án sau đó Chủ tịch UBND huyện đã vội vàng ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đúng với quy định của Điều 67 Luật đất đai.

- Ngày 28/3/2018, Bộ Tài chính đã ban hành văn bản số: 3515/BTC-QLCS gửi các Bộ; UBND thành phố các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu tạm dừng việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư kể từ ngày 01/01/2018 nhưng tại H, dự án xây dựng, cải tạo trục đường liên xã Y vẫn được thực hiện. Việc này trái với quy định của pháp luật gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của gia đình.

- Về giá bồi thường UBND huyện Z áp dụng mức 158.040.000 đồng/360m² (439.000 đồng/m²) là quá rẻ, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, khiến gia đình ông thiệt thòi. Ông đề nghị phải bồi thường theo mức giá là 1.500.000.000 đồng/sào.

Người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H:

- Hủy một phần Quyết định số: 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z “Về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp” đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn A.

- Yêu cầu UBND huyện Z lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông số tiền 2.165.000.000đ (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) đối với diện tích 519,6m² thu hồi.

* *Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z trình bày quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện:*

- Về căn cứ để UBND huyện Z thu hồi đất là các Quyết định của UBND tỉnh H: Quyết định số 1291/QĐ-UBND Ngày 02/11/2015 về việc *Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y*; Quyết định số 3663/UBND-XDCB ngày 29/12/2016 về việc *chuyển đổi dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y theo hình thức BT*; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 05/2/2016 về việc *phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y theo hình thức BT*; Quyết định số 1015/UBND-TNMT ngày 11/4/2017 về việc *cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi đã xây dựng xong hạ tầng của các dự án khu nhà ở tại huyện Z*; Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 về việc *quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án: ĐTXD HTKT khu nhà ở hoàn trả vốn dự án cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y theo hình thức BT*; Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 về việc *Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức BT*”.

Việc thu hồi đất để đầu tư đối với dự án ĐTXD HTKT khu nhà ở nhằm thực hiện việc hoàn trả vốn dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y,

huyện Z cho Công ty P, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

UBND huyện Z thu hồi đất là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

Kết quả thực hiện bồi thường, hỗ trợ tính đến 30/10/2018: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB đã tổ chức 10 đợt chi trả tiền. Một số hộ gia đình cố tình không nhận tiền bồi thường và không giao đất theo quy định mặc dù đã được vận động, thuyết phục nhiều lần. Lý do các hộ gia đình không nhận tiền bồi thường vì họ cho rằng giá bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định phê duyệt là quá thấp, các hộ yêu cầu được thỏa thuận bồi thường và đề nghị được mua đất ở với giá ưu đãi.

- Đối với việc thu hồi đất của gia đình ông Hoàng Văn A:

Theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 7854/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND huyện Z thì: Hộ gia đình ông Hoàng Văn Cần có tổng diện tích bị thu hồi 519,6m²; tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 228.104.400 đồng. Việc chi trả tiền bồi thường do Nhà đầu tư - Công ty TNHH xây dựng P ứng trước để thực hiện.

Đây là dự án Nhà nước thu hồi đất nên giá bồi thường được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh H tại Quyết định số: 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 và Quyết định số: 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; tổng đơn giá bồi thường hỗ trợ đối với 360m² (01 sào Bắc Bộ) đất nông nghiệp giao lâu dài trên địa bàn huyện là: 158.040.000 đồng.

- Về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Do việc chi trả tại thôn X gặp nhiều khó khăn do các hộ không thống nhất với đơn giá bồi thường của Nhà nước đã quy định. Ngày 20/4/2018, UBND huyện ban hành Quyết định số: 3204/QĐ-UBND “v/v thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất”; UBND xã Y thành lập Tổ vận động tuyên truyền thu hồi đất tại Quyết định số: 134/QĐ-UBND ngày 26/4/2018. Sau 3 đợt Tổ vận động tuyên truyền thu hồi đất của xã Y tiến hành vận động các hộ gia đình nhận tiền bồi thường để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, tính đến 26/5/2018, còn 60/118 hộ gia đình có đất thu hồi thôn X chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB. Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh H có Văn bản số: 333/UBND-TNMT “về việc đồng ý cho UBND huyện Z cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng HTKT khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT)”. Ngày 28/9/2018, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số: 7285/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với 60 hộ gia đình thôn X chưa nhận tiền bồi thường, trong đó có gia đình ông A.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện khẳng định thẩm quyền và trình tự thủ tục thu hồi đất cũng như việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định pháp luật và đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

** Ý kiến của Công ty TNHH xây dựng P:*

Công ty TNHH xây dựng P là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Y huyện Z theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) tại Quyết định số: 696/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND huyện Z. Nhà đầu tư đã tổ chức thi công hoàn thành cơ bản dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng trục đường xã Y.

Để thực hiện việc thanh toán quỹ đất cho Nhà đầu tư theo quy định của hợp đồng, UBND huyện Z đã lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các quỹ đất đối ứng được UBND tỉnh H giới thiệu địa điểm. Đồng thời, UBND huyện thực hiện đầy đủ các trình tự pháp lý theo quy định để tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng các khu đất đối ứng dự án BT. Nhà đầu tư đã ứng toàn bộ kinh phí cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB huyện để thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các hộ dân có đất thu hồi theo đúng Quyết định số 28/QĐ-UBND và Quyết định số 7854/QĐ-UBND. Nhà đầu tư đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB của 41 hộ có đất thu hồi thôn X vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Z.

Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông A theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A1, anh Hoàng Văn A2, chị Hoàng Thị A3 đều ủy quyền cho ông Hoàng Văn A1 và thống nhất với ý kiến của ông A1.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30; Điều 32; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Căn cứ Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014; Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Cẩn về yêu cầu Hủy một phần Quyết định số: 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z “Về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp” đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn Cẩn và yêu cầu UBND huyện Z lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông số tiền 2.165.000.000đ (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) đối với diện tích 519,6m² thu hồi.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn A phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận ông Cấn đã nộp số tiền án phí 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004424 ngày 08/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/8/2019, ông Hoàng Văn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn A đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện với lý do giá đất bồi thường, hỗ trợ quá thấp không bảo đảm quyền lợi của hộ gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: UBND huyện Z ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường là đúng căn cứ thu hồi đất quy định tại Điều 62 Luật đất đai; ban hành Quyết định đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đúng quy định nên không có cơ sở để buộc bồi thường theo giá đất mà người khởi kiện yêu cầu. Hộ gia đình không chấp hành Quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của đương sự; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn A đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn A hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn A:

[3.1] Về việc UBND huyện Z thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 519,6 m² đất nông nghiệp trồng lúa của gia đình ông Hoàng Văn A:

- Căn cứ để UBND huyện Z ban hành Quyết định thu hồi đất là để hoàn trả vốn cho Công ty P đã đầu tư (theo hình thức BT) để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Y, huyện Z, nên thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 09/5/2017; Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/6/2017.

- Ngày 22/7/2016, UBND huyện Z ban hành Văn bản số 54/TB-UBND v/v *thông báo chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án và Kế hoạch số 661/KH-UBND v/v Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm GPMB*; ngày 22/7/2016 ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND v/v *thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tổ công tác giúp việc*.

UBND huyện Z đã thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013, Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; đã tiến hành bàn giao và niêm yết công khai việc thu hồi đất của gia đình cũng như Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi theo quy định. Ngày 10/01/2017, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Ngày 25/11/2017, Hội đồng bồi thường GPMB ban hành Phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ GPMB. Ngày 31/12/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Theo quy định tại Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 của UBND tỉnh H về việc Ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019), tại Bảng giá số 01: Đất nông nghiệp nằm trong đề thi tiền bồi thường đất nông nghiệp giao lâu dài: 70.000 đồng/m² và các Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H quy định Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh áp dụng Phụ lục số 2 thì tiền bồi thường hoa màu trên đất: 9.000 đ/m². Khoản 1 Điều 20 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H thì tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất: 10.000 đ/m²; Điều 21 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H thì tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: tương ứng: 70.000 đ/m² x 5 = 350.000 đ/m². Áp dụng quy định nêu trên, UBND huyện Z đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng trên đất, các khoản hỗ trợ khác, tổng số tiền 228.104.400 đồng. Ông A cũng xác định không khiếu nại về diện tích thu hồi mà yêu cầu bồi thường theo giá đất 1,5 tỷ đồng/sào nhưng yêu cầu không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng.

Công ty P đã thực hiện Hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT) số 01/2016/HĐBT ngày 12/5/2016. Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng- chuyển giao thì Hợp đồng BT đã được ký kết trước ngày 01/01/2018 thì vẫn tiếp tục thực hiện thanh toán theo nội dung Hợp đồng BT đã ký kết.

Do đó, UBND huyện Z đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng thẩm quyền, bảo đảm trình tự thủ tục quy định tại Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND huyện Z

phải thực hiện lại bồi thường, hỗ trợ theo thỏa thuận bồi thường với nhà đầu tư mức giá 1,5 tỷ đồng/sào, là đúng.

[3.2] Về Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z:

Gia đình ông A không tự nguyện bàn giao đất GPMB. Ngày 20/4/2018, chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số: 3204/QĐ-UBND “*V/v thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất*”. Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã có Phương án số 01/PA-BTHCC ngày 02/10/2018 và UBND xã Y thành lập Tổ vận động tuyên truyền thu hồi đất tại Quyết định số: 134/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 và đã tiến hành vận động tuyên truyền gia đình thực hiện Quyết định thu hồi đất nhưng gia đình không bàn giao đất.

Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh H có văn bản số 333/UBND-TNMT về việc đồng ý cho UBND huyện Z cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 28/9/2018, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7285/QĐ-UBND Quyết định cưỡng chế cũng đã được niêm yết công khai tại UBND xã Y và Hội trường Nhà văn hóa thôn X và giao cho gia đình.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7285/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật đất đai, nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định này, là đúng.

[4] Người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[5] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, quy định của Luật đất đai nêu trên và quy định tại khoản 1, khoản 9 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính, UBND huyện Z, Chủ tịch UBND huyện Z là người bị kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Chủ tịch UBND huyện Z là người bị kiện, UBND huyện Z là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là chưa chính xác. Tuy nhiên Chủ tịch UBND huyện Z (là người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Z) đã tham gia tố tụng, đã có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và cung cấp tài liệu hồ sơ ban hành Quyết định hành chính; bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ tính hợp pháp của Quyết định số 28/QĐ-UBND và Quyết định 7854/QĐ-UBND, nên đây chỉ là sai sót về tố tụng, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án về nội dung. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Ông Hoàng Văn A thuộc đối tượng được miễn án phí hành chính phúc thẩm và có đơn xin miễn nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Văn A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương